

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 28 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ,
chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi
Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số
35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số
51/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo
vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách trong công
tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh
Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách
trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của
tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ,
chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ đương chức và nguyên chức giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng quản lý.

b) Cán bộ đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và nguyên Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh không thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

c) Cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có cấp hàm từ Thiếu tướng trở lên.

d) Cán bộ Lão thành cách mạng; cán bộ Tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, người được tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập.

đ) Cán bộ đương chức: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

e) Cán bộ đương chức: Cấp phó các sở, ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

g) Cán bộ đương chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quyết định.

h) Các đồng chí nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; nguyên cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; các đồng chí nguyên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quyết định; nguyên Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh; nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

i) Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình trước hợp nhất.

k) Cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có cấp hàm từ Thượng tá trở lên; các đồng chí là Trung đoàn trưởng, Chính ủy Trung đoàn và tương đương đã nghỉ hưu.

l) Cán bộ đương chức: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường.

m) Nghệ sĩ Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú.

n) Lãnh đạo cấp phòng đương chức và nguyên chức của tỉnh Ninh Bình thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương có hệ số lương từ 5,76 trở lên đối với nam, từ 5,08 trở lên đối với nữ.

o) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối với cán bộ đương chức và nguyên chức đã từng giữ nhiều cương vị lãnh đạo, quản lý và được hưởng chế độ thuộc nhiều đối tượng khác nhau thì khi thực hiện chế độ chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất theo chức vụ đã giữ.

2. Đối tượng nguyên chức công tác tại đơn vị, địa phương khác quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh được hưởng các chế độ theo Nghị quyết này trong trường hợp chưa được hưởng các chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ ở các đơn vị, địa phương khác.

3. Đối tượng quy định tại điểm c, d, k, m khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh thì được hưởng các chế độ theo Nghị quyết này.

4. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp chuyên sâu; được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh 01 lần/năm tại các cơ sở y tế nước ngoài khi có yêu cầu về chuyên môn.

5. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp chuyên sâu hoặc cấp cơ bản.

6. Đối tượng quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h, i khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp cơ bản.

7. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước không quá 02 lần/nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh (mỗi lần không quá 05 ngày, không kể thời gian đi - về).

8. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được thăm hỏi khi điều trị nội trú tại cơ sở y tế không quá 02 lần/năm; trong trường hợp bị mắc bệnh hiểm nghèo mà được Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh kết luận là bệnh hiểm nghèo thì được hỗ trợ 01 lần/bệnh nhân.

9. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi vi phạm pháp luật hoặc bị kỷ luật thì thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Vi phạm pháp luật mà bị phạt tù từ mức cho hưởng án treo trở lên, bị tước danh hiệu theo quy định, bị xóa tên, khai trừ ra khỏi Đảng thì không được hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

b) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức mà vẫn thuộc đối tượng thì hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe theo chức danh mới.

c) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cách chức, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, bị xóa tư cách chức vụ, chức danh thì không được hưởng theo chức vụ, chức danh đã giữ trước khi bị kỷ luật.

Điều 3. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm

1. Đối với đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Hỗ trợ 100% chi phí khám lâm sàng, cận lâm sàng, tiền thuốc cho đối tượng theo hóa đơn thực tế của bệnh viện công lập cấp chuyên sâu thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng cung cấp.

b) Hỗ trợ tiền ăn, kinh phí đi lại cho các đối tượng khi đi khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu là 05 triệu đồng/người/lần khám.

2. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 100% chi phí khám lâm sàng, cận lâm sàng và tiền thuốc

theo hóa đơn thực tế của bệnh viện công lập cấp cơ bản thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng cung cấp.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe khi thực hiện quy trình công tác cán bộ

Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe theo hóa đơn thực tế của Bệnh viện công lập cung cấp cho cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong nước

a) Hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và 100% chi phí các dịch vụ kỹ thuật cao, tiền thuốc không thuộc nguồn bảo hiểm y tế chi trả theo hóa đơn thực tế khi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh ở các cơ sở y tế ngoài công lập, ngoài hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế còn được hỗ trợ 70% chi phí các dịch vụ kỹ thuật cao không thuộc danh mục chi trả bảo hiểm y tế nhưng không vượt quá 70 triệu đồng/lần theo hóa đơn thực tế của cơ sở y tế ngoài công lập cung cấp cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế nước ngoài

Hỗ trợ 30% chi phí khám, điều trị theo hóa đơn thực tế của cơ sở y tế nước ngoài cung cấp và hỗ trợ chi phí ăn, nghỉ, phương tiện đi lại bằng 70 triệu đồng/người/đợt điều trị cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 6. Hỗ trợ tiền ăn

Hỗ trợ 120 nghìn đồng/người/ngày cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 7. Hỗ trợ chi phí đi lại khi chuyển viện lên tuyến trên để khám và điều trị bệnh

Hỗ trợ chi phí đi lại cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này 03 triệu đồng/lần khi phải chuyển tuyến trên để khám và điều trị theo chỉ định của bác sỹ.

Điều 8. Hỗ trợ chi phí nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước

Hỗ trợ kinh phí đi nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này và các đối tượng được cử đi để thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không quá 20 triệu đồng/người/lần nghỉ dưỡng (mức hỗ trợ này là mức hỗ trợ tối đa để thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh, bao gồm cả chi phí tổ chức đưa đón cán bộ đi nghỉ dưỡng sức).

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí thăm hỏi khi điều trị nội trú tại cơ sở y tế

1. Hỗ trợ 07 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.
2. Hỗ trợ 05 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.
3. Hỗ trợ 03 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm e, g, h khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 10. Hỗ trợ khi mắc bệnh hiểm nghèo

1. Hỗ trợ 120 triệu đồng/người cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.
2. Hỗ trợ 100 triệu đồng/người cho đối tượng quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.
3. Hỗ trợ 80 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm e, g, h khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 11. Nguồn kinh phí

Nguồn Ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 01 năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình.

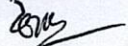
Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 28 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 13;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính